TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HS-PT
Ngày: 20-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thông.

Ông Phạm Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 277/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị Bé N, do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị Bé N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Thị Bé N (Tên gọi khác: Không), sinh năm: 1981, tại: tỉnh An Giang; Nơi cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Đ (chết) và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1944; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 4; chồng: Nguyễn Văn B, sinh năm: 1974; Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền sự: Ngày 06/6/2022 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng về hành vi Vận chuyển hàng cấm, theo Quyết định số: 142/QĐ-XPVPHC, chưa nộp phạt; tiền án: không; tạm giữ: không; tạm giam: không, hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; Viện kiểm sát không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Bé N đã bị xử phạt hành chính về hành vi vận chuyển hàng cấm, số tiền phạt là 7.500.000 đồng bị cáo chưa nộp phạt, nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm cụ thể như sau:

Lúc 09 giờ ngày 20/5/2024 bị cáo Trần Thị Bé N dùng điện thoại di động điện cho em ruột là Trần Thị Ngọc C ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang qua nhà của bị cáo Bé N ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để cùng nhau đi mua thuốc lá điếu nhập lậu ở khu vực Cầu M, thuộc xã T, huyện H rồi vận chuyển về nhà của bị cáo B1 Năm để bán lại kiếm lời, tiền công trả cho C là 100.000 đồng, C nhận lời và đi qua nhà bị cáo Bé N, sau đó bị cáo Bé N đã điều khiển xe mô tô biển số: 66B1-196.54 chở C đến huyện H và gặp một người đàn ông tên Ú hỏi mua 250 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO với giá 150.000 đồng/cây(10 bao) và 250 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet với giá 180.000 đồng/cây (10 bao) thỏa thuận xong bị cáo Bé Năm giao xe cho Ú để Ú xếp thuốc lá lên xe cho bị cáo Bé N. Lúc này khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Ú giao xe lại cho bị cáo Bé N và nói do xe chứa không đủ nên chỉ chất được 249 bao Hero và 250 bao Jet bỏ lại 01 bao Hero. Tổng số tiền là 8.250.000 đồng và số tiền này sẽ được thanh toán khi đến lấy hàng lần sau (cho gối đầu). Nhận xe hàng xong bị cáo Bé N chở C đi về, khi đến khu vực ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì bị lực lượng kiểm tra bắt quả tang trong túi vải màu xanh để trước baga xe, trong ốp đầu đèn, cốp xe, tổng số là 249 bao Hero và 250 bao Jet, lúc đó là khoảng 13 giờ ngày 20/5/2024.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Bé N thừa nhận số thuốc là điếu ngoại nhập lậu bị cơ quan chức năng thu giữ ngày 20/5/2024 trên xe mô tô biển số 66B1-196.54 là do bị cáo cùng với Trần Thị Ngọc C vận chuyển về nhà bị cáo B1 Năm nhằm mục đích bán kiếm lời.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử:

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Bé N phạm tội " Vận chuyển hàng cấm"

1. Xử phạt Trần Thị Bé N – 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, bị cáo Trần Thị Bé N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Thị Bé N thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung của Bản án sơ thẩm, thừa nhận Bản án sơ thẩm kết án bị cáo phạm tội *"Vận chuyển hàng cấm"* theo điểm e khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là cao so với hành vi của bị cáo. Hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình và nuôi con nhỏ bị bệnh hiểm nghèo nên bị cáo giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng hành vi của bị cáo Trần Thị Bé N bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* quy định tại điểm e khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Bé N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo Bé N, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết cha mẹ chồng của bị cáo là ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Y là người có công cách mạng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt mà điều luật quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bé N, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo Trần Thị Bé N không tham gia tranh luận. Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Trần Thị Bé N, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận vào lúc 09 giờ ngày 20/5/2024 Trần Thị Bé N đã dùng điện thoại di động điện cho em ruột là Trần Thị Ngọc C ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang qua nhà của N ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để cùng nhau đi mua thuốc lá điếu nhập lậu ở khu vực Cầu M, thuộc xã T, huyện H rồi vận chuyển về nhà của N để bán lại kiếm lời. Bị cáo Trần Thị Bé N thừa nhận đã cùng với em ruột là Trần Thị Ngọc C dùng xe mô tô vận chuyển 499 bao thuốc lá điếu nhập lậu với tổng số tiền là 8.250.000 đồng, bao gồm 250 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO với giá 150.000 đồng/cây (10 bao) và 250 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet với giá 180.000 đồng/cây (10 bao) từ huyện H về huyện T, nhưng khi đến ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì bị bắt quả tang. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đúng với biên bản bắt người phạm tội quả tang lúc 13 giờ ngày 20/5/2024.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Bé N đã làm ảnh hưởng đến tình

hình an ninh trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó bị cáo Bé Năm bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội *"vận chuyển hàng cấm"* quy định tại điểm e khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Bé N là phù hợp. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn áp dụng Điều 54 để quyết định khung hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo là có lợi cho bị cáo Bé N. Do đó, hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Bé N kháng cáo xin giảm hình phạt được hưởng án treo do bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm tuyên là cao so với hành vi của bị cáo. Hiện tại bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ bị bệnh hiểm nghèo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết cha mẹ chồng của bị cáo là ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị Y là người có công cách mạng. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức được việc vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, trước đó bị cáo Trần Thị Bé N đã bị xử lý hành chính về hành vi "Vận chuyển hàng cấm" nhưng cho đến nay chưa nộp phạt, cho thấy bị cáo đã xem thường pháp luật, nên cần phải áp dụng hình tù có thời hạn đối với bị cáo. Mức án 03 tháng tù mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo Bé N là đã áp dụng chính sách khoan hồng của Nhà nước là có lợi cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Bé N.

[4] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị Bé N không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Bé N.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2024/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Bé N phạm tội *"Vận chuyển hàng cấm"*.

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Bé N 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Bé N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC-Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS huyện Thanh Bình;
- TAND huyện Thanh Bình (02 bản);
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- CQCSĐT Công an huyện Thanh Bình;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THATA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA (H).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Quang Thông